

BẢN TIN DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC THỜI HẠN NGẮN
(Từ ngày 21 đến 31/8/2025)

1.1. Lưu vực sông Hồng

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
+ Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 50-150mm, có nơi trên 200mm như: Bắc Mê (Hà Giang) 211.1mm, Hoài Đức (Hà Nội) 200.7mm, Văn Lý (Nam Định) 217.4mm...
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Thao: Tổng lượng dòng chảy tại trạm Yên Bái giảm so với tuần trước, tổng lượng dòng chảy thấp hơn TBNN cùng kỳ 37%. + Trên sông Lô: Lưu lượng dòng chảy tại trạm Tuyên Quang giảm so với tuần trước, tổng lượng dòng chảy thấp hơn TBNN cùng kỳ 55%. + Trên sông Đà: Lưu lượng đến hồ Hòa Bình có xu thế giảm so với 7 ngày trước và chịu ảnh hưởng điều tiết của thủy điện tuyến trên, tổng lượng dòng chảy thấp hơn so với TBNN cùng kỳ 15%. + Trên sông Hồng: Tổng lượng dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội trong tuần qua cao hơn so với tuần trước và cao hơn 9% so với TBNN cùng kỳ.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
+ Tổng lượng mưa: phổ biến 100-300mm, có nơi trên 400mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Thao: Tổng lượng dòng chảy tại trạm Yên Bái tiếp tục giảm so với tuần trước và thấp hơn TBNN cùng kỳ 41%. + Trên sông Lô: Dòng chảy tại trạm Tuyên Quang sẽ tăng so với tuần trước, tổng lượng dòng chảy thấp hơn TBNN cùng kỳ 31%. + Trên sông Đà: Lưu lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình có xu thế tăng so với 7 ngày trước. Ngày 25-26/8 có khả năng tăng nhanh do ảnh hưởng của mưa trên lưu vực và chịu ảnh hưởng điều tiết phát điện của thủy điện tuyến trên; tổng lượng dòng chảy cao hơn so với TBNN khoảng 10%. + Trên sông Hồng: Dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội sẽ biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng điều tiết của các thủy điện tuyến trên. Tổng lượng dòng chảy dự báo xấp xỉ TBNN.

1.2. Lưu vực sông Thái Bình

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>

- Tổng lượng mưa: Phổ biến 40-150mm, có nơi trên 250mm như: Bắc Cạn (Bắc Kạn) 337.2mm, Đình Lập (Lạng Sơn) 252.7mm, Sơn Động (Bắc Giang) 321.2mm...

- Tổng lượng dòng chảy: Trên sông Cầu và sông Thương đã xuất hiện một đợt lũ. Tổng lượng dòng chảy trên sông Cầu tại trạm Gia Bả tăng so với kì trước và cao hơn so với TBNN cùng kỳ 24%. Tổng lượng dòng chảy trên sông Lục Nam tại trạm Chũ tăng mạnh và cao hơn TBNN cùng kỳ 182%.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: Phổ biến 100-200mm, có nơi trên 300mm.

- Tổng lượng dòng chảy: Lưu lượng dòng chảy trên sông Cầu và sông Lục Nam sẽ giảm dần nhưng vẫn duy trì ở mức cao; tổng lượng dòng chảy trên sông Cầu tại trạm Gia Bả ở mức cao hơn so với TBNN khoảng 8%; trên sông Lục Nam tại trạm Chũ ở mức cao hơn 70% so với TBNN cùng kỳ.

1.3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: Phổ biến 50-150mm, có nơi trên 200mm như: Quỳnh Lưu (Nghệ An) 229.5mm, Đô Lương (Nghệ An) 256.4mm, Hòn Nư (Nghệ An) 390mm, Vinh (Nghệ An) 342.5mm, Kỳ Anh (Hà Tĩnh) 220.5mm....

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Lưu lượng dòng chảy trên các sông trong khu vực tăng so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy thấp hơn TBNN cùng kỳ khoảng 19%, sông Cả tại trạm Yên Thượng thấp hơn TBNN cùng kỳ khoảng 43%, sông Ngàn Sâu tại trạm Hòa Duyệt ở mức xấp xỉ TBNN cùng kỳ, sông Ngàn Phố tại trạm Sơn Diệm cao hơn khoảng 5%.

+ Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Lưu lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch (TP Huế) tại trạm Thượng Nhật cao hơn TBNN cùng kỳ 19%.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: phổ biến 200-400mm, có nơi trên 500mm.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Khu vực khả năng xuất hiện lũ, lưu lượng dòng chảy trên các sông trong khu vực tăng nhanh. Tổng lượng dòng

chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 88%, sông Cả tại trạm Yên Thượng cao hơn 80%, sông Ngàn Sâu tại trạm Hòa Duyệt cao hơn khoảng 275%, sông Ngàn Phố tại Sơn Diệm cao hơn khoảng 290%.

+ Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Từ ngày 25-27/8, trên các sông Quảng Trị có khả năng xuất hiện 1 đợt lũ, lưu lượng dòng chảy tăng cao, các sông khác có dao động và ở mức cao hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch tại trạm Thượng Nhật cao hơn TBNN cùng kỳ 163%.

1.4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: phổ biến 30-90mm, có nơi trên 120mm như: Tam Kỳ (Quảng Nam) 169.5mm, Nha Trang (Khánh Hòa) 128.1mm, Cam Ranh (Khánh Hòa) 127.2mm...
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Lưu lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn (TP Đà Nẵng) tại trạm Nông Sơn cao hơn TBNN cùng kỳ 125%, sông Trà Khúc (Quảng Ngãi) tại trạm Sơn Giang cao hơn 188%. + Trên các sông từ Gia Lai đến Khánh Hòa: Lưu lượng dòng chảy trên các sông biến đổi chậm. Tổng lượng dòng chảy trên sông An Lão (Gia Lai) tại trạm An Hòa cao hơn 81%, sông Ba (Đắk Lắk) tại trạm Củng Sơn thấp hơn 49%, sông Cái Nha Trang (Khánh Hòa) tại trạm Đồng Trăng cao hơn 65%, sông Lũy (Lâm Đồng) tại trạm Sông Lũy cao hơn 58% , sông La Ngà (Lâm Đồng) tại trạm Tào Pao thấp hơn 72% so với TBNN.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: phổ biến 50-100mm, có nơi trên 150mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Lưu lượng dòng chảy trên các sông khả năng có dao động và ở mức cao hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn tại trạm Nông Sơn cao hơn TBNN cùng kỳ 121%, sông Trà Khúc tại trạm Sơn Giang cao hơn 161%. + Trên các sông từ Gia Lai đến Khánh Hòa: Lưu lượng dòng chảy trên các sông biến đổi chậm. Tổng lượng dòng chảy trên sông Ba tại trạm Củng Sơn so với TBNN thấp hơn 42% và sông Cái Nha Trang tại trạm Đồng Trăng ở mức cao hơn 80%.

1.5. Lưu vực sông Mê Công

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 40-100mm, có nơi trên 120mm như: EaHleo (Đắk Lắk) 142.9mm, Trị An (Đồng Nai) 158.9mm, Long Khánh (Đồng Nai) 199.8mm...
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Lưu lượng dòng chảy trên hệ thống các sông phổ biến ở mức tương đương và cao hơn so với tuần trước, riêng sông Đắk Tô Kan lưu lượng dòng chảy giảm. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 64%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn ở mức tương đương TBNN. + Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 60-120mm, có nơi trên 200mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Lưu lượng dòng chảy trên hệ thống các sông phổ biến ở mức tương đương và tăng so với tuần vừa qua. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 69%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn thấp hơn 10%. + Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm, trên sông Tiền tại trạm Tân Châu và trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc cao hơn 6-20% so với TBNN.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 01/9/2025

Tin phát lúc: 15h00

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phùng Tiến Dũng

Phụ lục
Phụ lục 1. Bảng trị số tổng lượng nước thực đo và dự báo các trạm
Bảng 1.1: Tổng lượng mưa dự báo từ ngày 22/8 đến ngày 31/8/2025

Đơn vị: mm

Khu vực	Trạm	Thực đo 7 ngày qua	So sánh TBNN (%)	Dự báo											
				22/08	23/08	24/08	25/08	26/08	27/08	28/08	29/08	30/08	31/08	Tổng	So sánh TBNN (%)
Lưu vực sông Hồng	Tam Đường	117	>51	19.9	4.2	1.7	2.6	7.9	10.9	18.7	6.7	11	13.8	97.4	>20
	Sơn La	152.2	>141	14.4	2.1	1.1	10.2	15.8	4.7	5.2	14	6.8	5	79.3	>2
	Hòa Bình	100.6	>16	0.2	3.1	31.6	91.1	52.5	10.4	34.5	45.7	44.8	12.4	326.3	>207
	Lào Cai	43.7	<43	32.5	11.3	1.8	21.7	23.2	18.3	18.8	23.7	6.3	0.8	158.4	>32
	Yên Bái	65.7	<29	22.9	1.7	4	46.3	49.5	18.8	37.5	28.9	38.1	6.8	254.5	>137
	Tuyên Quang	105.5	>55	4.6	3.1	0.7	30.3	11.9	14.3	16.1	22.5	32.2	2.7	138.4	>75
	Hà Giang	143.8	>62	17.4	3.4	0	6.9	24.8	17.4	32.3	15	26.7	2	145.9	>13
	Láng	97	>26	3.2	1.7	13.8	70.9	38.8	23.3	30.7	33.3	27.7	7.4	250.8	>112
	Thái Bình	159.7	>164	0.9	0.9	15.3	59.3	40.4	9.2	42.8	45.6	25.5	3.1	243	>129
	Nam Định	112	>64	1	2.9	16.4	72.1	22.1	24.8	23.3	64.9	16.7	10.3	254.5	>123
Lưu vực sông Thái Bình	Bắc Kạn	337.2	>472	18.3	2.1	2.1	23.6	19.7	19.1	28.4	25.8	36.3	4.3	179.7	>126
	Thái Nguyên	125.1	>34	11.5	1.1	0.4	38.7	18.8	22.4	15.7	18.9	14.7	6.2	148.4	>73
	Bắc Ninh	32.6	<58	3	1.9	0.3	19.9	33.2	8.6	24.6	35.7	20.4	6.4	154	>40
	Lạng Sơn	178.9	>198	1.2	0.5	4	4.9	8.8	3.6	1.6	13.4	15.6	4.4	58	<17
	Bắc Giang	41	<37	1.5	0.5	0.3	14	25.7	11.6	19.5	33.2	17.1	10	133.4	>27
	Hải Dương	189	>213	1.1	1.4	0.6	17.1	30.2	20.3	46.3	47.6	22.5	9.8	196.9	>69
Lưu vực sông thuộc	Hồi Xuân	97.7	>4	1.4	3.2	6	74.9	21.5	11	27.4	52	17	6.4	220.8	>90
	Bái Thượng	138	>39	2	2.2	29.9	107.9	18.5	13.9	30.9	32.7	23.1	3.8	264.9	>131
	Thanh Hóa	172.6	>126	3	6.6	24.2	110.4	22.7	6.1	30.2	35.2	24.5	6.6	269.5	>160

khu vực Bắc Trung Bộ	Quỳ Châu	151.9	>77	5.8	9.9	18.3	166.4	16.1	20.1	14.9	15	13.8	8.7	289	>182
	Tương Dương	57.7	<11	9	2.7	8.4	162.9	33.2	12.5	27.4	29.2	17.1	4.9	307.3	>243
	Đô Lương	256.4	>359	2.2	7.3	39.3	212.8	15.4	29	14.2	20.7	35.2	5.8	381.9	>228
	Vinh	342.5	>415	0.8	4.2	40.8	115.2	11	17	12.6	20.6	38.1	3	263.3	>138
	Hương Sơn	157.4	>104	0.3	6	34.9	179	15.3	12.5	13	30.4	45.5	4.8	341.7	>439
	Hương Khê	90.3	>58	1.6	7.7	43.5	102.2	9	14.2	7.2	16.7	29.1	2	233.2	>148
	Hà Tĩnh	135.9	>186	0.9	4.4	48.5	88.4	15.4	15.2	17.6	13.8	18.3	1.4	223.9	>133
	Đồng Hới	59.3	>65	1.5	6.3	93.3	70.9	8.8	24.5	9.3	5.9	15.7	4.5	240.7	>221
	Quảng Trị	35.1	>14	3.1	6.4	84.2	28.1	10.6	10	15	6.9	5.9	3.9	174.1	>134
	Nam Đông	121.1	>140	3.1	11.4	39.3	0.2	6.8	2.3	7.7	10.4	9.9	5.7	96.8	>9
	Huế	107.3	>246	2.9	11.1	52.1	5	24.1	24	16.4	19.4	11.2	3.5	169.7	>124
Lưu vực thuộc khu vực Nam Trung Bộ	Đà Nẵng	115	>189	2.6	1.3	29.8	0.2	18.6	4.8	18.2	6.9	3.6	2.2	88.2	>36
	Trà My	89.3	>74	4.2	15.4	2.2	20.1	8.5	16.7	14.2	8.6	18.3	7.6	115.8	>13
	Ba Tơ	33.2	<23	3.8	23.5	0.1	0	8.7	15.9	14.2	13	13.3	12.5	105	>50
	Quảng Ngãi	101.5	>163	2.2	8.7	0.5	0.8	9.6	13.7	7.9	16.3	20.1	5.5	85.3	>60
	Quy Nhơn	11.5	<26	1.4	8.2	0	0.9	1.5	9.7	10.2	26.5	15	18.4	91.8	>143
	An Khê	14.6	<49	2.5	7	0.3	1.1	1.3	7.5	7.2	30.9	11.7	7.1	76.6	>43
	Tuy Hòa	24.7	>109	2	18.1	0.3	1	5	4.4	7.3	24.9	9.1	3.4	75.5	>178
	Nha Trang	128.1	>1142	6.7	10.2	12.1	13.5	15.4	7.9	23.3	33.1	29.3	7.2	158.7	>651
Lưu vực sông Mê Công	Kon Tum	77.5	>9	3.8	12.3	4.9	5	5.1	9.3	11.6	24	7.8	2.6	86.4	<29
	Lắk	93	>6	2.3	14.5	12.1	6.1	8.1	6.5	5	16.9	12	1.6	85.1	>2
	Buôn Mê Thuột	52.8	<6	8.5	15.1	15.1	15.2	16.4	6	9	18.9	10	7.9	122.1	>19
	Biên Hòa	150.3	>114	5.4	8.6	14.9	22.2	10.4	11.7	20.8	14.9	12.2	4.4	125.5	>24
	Cần Thơ	31.9	<19	13.9	2.6	7	9.4	5.9	8.6	18.7	13.3	8.2	5.7	93.3	>58

Bảng 1.2: Tổng lượng nước dự báo từ ngày 22/8 đến ngày 31/8/2025

Đơn vị: triệu m³

Sông	Trạm	Thực đo từ ngày 15/08 đến 21/08	So sánh TBNN (%)	Dự báo											So sánh TBNN (%)
				22/08	23/08	24/08	25/08	26/08	27/08	28/08	29/08	30/08	31/08	Tổng	
Thao	Yên Bái	542	<37	53.74	52.01	52.01	58.9	69.9	81.8	77.8	69.9	66.1	58.92	641.1	<41
Lô	Tuyên Quang	410	<55	108	95.04	86.4	82.1	108	90.7	86.4	72.6	69.1	64.8	863.1	<31
Đà	Hồ Hòa Bình	1669	<15	176	207	199	346	432	328.0	311	276	259	242	2776	>10
Hồng	Hà Nội	2599	>9	301.5	296.5	291.51	286.5	281.5	291.5	321.7	311.56	301.54	291.51	2975.4	<2
Cầu	Gia Bảy	122	>24	48.5	17.6	10.54	10.54	19.7	19.7	10.5	7.78	7.78	9.07	161.8	>8
Lục Nam	Chũ	266.	>182	75.95	24.0	14.26	8.48	14.26	28.4	15.6	8.48	6.48	3.89	199.8	>70
Mã	Cẩm Thủy	520	< 19	76.9	76.9	99.96	315.27	307.6	215.3	153.8	123.03	92.3	76.9	1537.9	> 88
Cả	Yên Thượng	306	< 43	69.1	69.1	89.86	283.39	276.5	193.5	138.2	110.59	82.9	69.12	1382.4	> 80
La	Hòa Duyệt	46.1	~ TBNN	14.3	14.26	18.53	58.45	57.0	39.9	28.51	22.81	17.11	14.26	285.1	> 275
Tả Trách	Thượng Nhật	5.6	> 19	0.9	1	1.6	2	2.4	2.6	2.4	2.2	1.9	1.8	18.8	> 163
Thu Bồn	Nông Sơn	123	> 125	18.1	18.3	18.6	19.9	21.6	21.2	19.9	18.7	19.4	18.7	194.4	> 121
Trà Khúc	Sơn Giang	122	> 188	17.6	17.8	17.7	18.1	19.9	19.0	18.1	18.1	18.6	18.1	183	> 167
Ba	Cung Sơn	59	<49	12.96	12.1	10.37	9.5	8.64	6.9	6.5	6.05	5.62	5.18	83.8	<50
Cái N,T	Đồng Trăng	28.4	>65	7.78	6.05	5.62	5.18	4.75	4.3	3.9	3.5	3.3	3.02	47.4	>80
ĐăkBlá	KonTum	24.3	< 64	3.35	3.15	3.04	3.34	3.55	3.7	3.49	3.41	3.3	3.59	33.9	< 68
Srêpôk	Giang Sơn	57.8	~ TBNN	6.45	6.26	6.06	5.94	6.26	6.5	6.73	6.96	7.24	7.43	65.8	< 11
Tiền	Tân Châu			1890	1908	1918	1927	1956	1966.0	1956	1927	1908	1908	19264	>20
Hậu	Châu Đốc			370	372	374	378	379	377.0	375	374	372	372	3743	>6